

PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 49

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm).

Kinh văn **55**: “**Phương tiện trang nghiêm cố, tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc**” (Nghĩa là: Dùng phương tiện trang nghiêm, sớm thành tựu viên mãn cái vui của pháp hữu vi và cái vui của pháp vô vi).

Từ “Phương tiện” thì “phương” là phương pháp, “tiện” là tiện nghi, chính là phương pháp thích hợp nhất đối với mỗi người, vật và việc. Nó không có tiêu chuẩn nhất định, vì do người, do việc, do thời, do đất đều có sự khác biệt. Việc này phải dùng trí huệ mà “*thông quyền đạt biến*”, vận dụng linh hoạt.

(“Thông quyền đạt biến” là thông tuệ, linh hoạt, và khả năng thích ứng trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt là trong các tình huống biến đổi).

Vậy nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ tài và sắc. Hai điều này là quan trọng nhất. Nhưng cũng có người ít ham muốn với tài sắc, nhưng lại ưa thích danh tiếng, muốn chức

vụ, muốn được người đời tôn trọng, háo danh cũng là chướng ngại nặng, cũng đều là tập khí phiền não nghiêm trọng.

Chữ “tốc” trong “**tốc đắc thành mãn**” (là nhanh chóng thành tựu viên mãn) nghĩa là mau lẹ. Thành tựu viên mãn pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp hữu vi là pháp thế gian, pháp vô vi là pháp xuất thế gian, “vì vô vi” là pháp thế xuất thế gian chúng ta đều có thể thành tựu viên mãn. Ngược lại, chúng ta không hiểu phương tiện trong việc đối người, xử sự, tiếp vật thì nơi nơi đều có chướng ngại.

Còn “rộng kết thiện duyên” là chuẩn bị vận dụng nhiều phương tiện. Bình thường không kết thiện duyên với người, thì phương tiện khéo léo không cách nào vận dụng được, người khác không tin cũng không tiếp nhận ý tốt của chúng ta. Do đó có thể biết, nền tảng của phương tiện khéo léo chính là “nhân duyên tốt” mà người ta thường nói. Nhân duyên chúng ta không tốt, thì dù có phương tiện khéo léo cũng vẫn không thể tránh khỏi chướng ngại. Cho nên, học Phật học cái gì? Là học làm người mà thôi, là học cách chung sống hòa thuận cùng với mọi người, với mọi vật. Như thế chính là Phật, là Bồ tát. Phật, Bồ tát có thể chung sống hòa thuận được với thiên thần, có thể cùng với chúng sanh địa ngục hòa thuận với nhau, cùng ở chung với người thiện và cả với người ác.

Vì sao chúng ta không thể chung sống hòa thuận với người khác? Then chốt ở chỗ có lợi và có hại. Có lợi thì chung sống tốt, có hại thì biến thành đối địch. Chư Phật, Bồ tát không có quan hệ lợi – hại với tất cả chúng sanh, nên hết thảy đều có thể chung sống tốt đẹp. Vậy đến khi nào chúng

ta mới có thể giác ngộ? Là khi chúng ta cùng tất cả chúng sanh không còn quan hệ lợi - hại, khi ấy mới khế nhập cảnh giới Phật. Đối nhân, xử sự, tiếp vật một cách tự nhiên chính là phương tiện khéo léo. Phương tiện khéo léo không cần học, xuất phát từ tâm chân thành chính là phương tiện khéo léo. Còn mảy may có lợi – có hại, tính toán, thì phương tiện khéo léo sẽ giảm bớt, thậm chí hoàn toàn mất đi.

Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “*Người trong cuộc thì mê, người bên cạnh thì tỏ*”. Người trong cuộc thì còn đề ý lợi – hại, người bên cạnh thì không có lợi – hại. Có lợi – hại thì thấy không rõ chân tướng sự thật, không có lợi – hại thì có thể thấy rất rõ ràng. Cho nên, chư Phật Bồ tát vĩnh viễn làm người bên cạnh trong thế xuất thế gian. Chúng ta phải xả bỏ lợi-hại thì mới được đại lợi chân thật.

Lợi-hại từ đâu sanh ra? Từ cái “Ngã” mà ra. Nói tóm lại cái gốc là “Ngã”, chấp trước vì có cái “Ngã”. Không biết “Ngã” là quan niệm sai lầm. Trong kinh Phật dạy “vô ngã” chính là phá chấp ngã, “vô nhân”; “vô chúng sanh”, “vô thọ giả” chính là phá chấp pháp. Phá được hai cái chấp Ngã – Pháp rồi mới có thể hiểu thấu chân tướng nhân sanh vũ trụ. Chỉ cần hai chấp này tồn tại, thì những cái thấy đều là huyễn tướng, thiên biến vạn hóa, mộng, huyễn, bọt, bóng, giả tướng, hư mà không thật và đương nhiên chúng ta không có phương tiện khéo léo. Chỉ có người thấy được chân tướng thì lời nói việc làm của họ tự nhiên thành phương tiện khéo léo vậy.

Sao lại nói về phương tiện ở chỗ này mà không phải là ở phần trước đó? Vì mười thiện nghiệp hoàn toàn được vận dụng thực tiễn vào Phật pháp, thế pháp thì tự nhiên thành

thiện xảo (tức là khéo léo) rồi. Thiện xảo không phải là thứ miễn cưỡng có thể học được, đó là trí huệ chân thật tự nhiên hiển lộ ra; đối nhân, xử sự, tiếp vật phải dùng một tâm chân thành. Hay nói cách khác là không có mảy may tự tư, niệm niệm vì chúng sanh, vì người, vì sự, vì vật. Vậy thì lý nào lại không viên mãn!

Bồ tát vì chúng sanh mà lo nghĩ, nhưng chúng sanh lại không thể tiếp nhận. Nguyên nhân do đâu? Do chúng sanh còn mê. Cho nên Đức Phật giáo hóa chúng sanh cũng theo cấp bậc, quá trình gọi là “Ngũ Thừa Phật Pháp”. Giáo hóa chúng sanh chia thành năm giai đoạn, năm giai đoạn này cũng chính là phương tiện khéo léo. Người căn tánh thấp, chấp trước phước báo cõi trời người mà không chịu xả bỏ, Phật liền dạy họ làm thế nào được phước báo cõi trời người, cải thiện cuộc sống hiện tiền, khiến họ viên mãn tâm ý, đây là tiểu tiểu pháp, với những người này Phật dạy về nhân quả, đoạn ác tu thiện, “trồng nhân thiện thì được quả thiện”, nội dung chủ yếu vẫn không ngoài mười thiện nghiệp.

Thập Thiện Nghiệp Đạo giảng dạy những điều đơn giản nhất.

Không sát sanh được quả báo trường thọ, đây là bồ thí vô úy;

Không trộm cắp được quả báo phú quý, không những được giàu có của cải mà còn được địa vị, không trộm cắp là nhân hạnh của công danh phú quý. Trộm cắp còn chia thành nhiều mục nhỏ nữa, không chỉ có trộm tài vật mà trộm danh (nghĩa là lừa gạt lấy tiếng), trộm địa vị (nghĩa là dùng những thủ đoạn không chánh đáng để đoạt địa vị quyền lực) đều thuộc về trộm cắp;

Không tà dâm thì được quyền thuộc mỹ mãn như ý, gia đình hòa thuận hưng vượng. Trồng nhân nào thì hưởng quả đó, **những điều này thì người thường nghe lọt tai**, tu nhân thì nhất định được quả báo.

“Tốc đắc thành mãn” (Nghĩa là: Nhanh chóng thành tựu viên mãn) là cái vui của pháp hữu vi.

Người thượng căn lợi trí biết được phước báo của tam giới lục đạo không phải là cứu cánh, được rồi rất dễ mất đi, không thể gìn giữ lâu dài, nên họ muốn giống chư Phật, Bồ tát có được niềm vui chân thật cứu cánh bất sanh bất diệt, đây là cái vui của pháp vô vi.

Đức Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, tu mười điều thiện. Không sát sanh tức là không mảy may có ý tổn hại với bất kỳ chúng sanh nào trong chín pháp giới, đây là cảnh giới cao. Nếu chúng sanh vì ta mà sanh phiền não thì đây cũng là một phần sát nghiệp, ta nên mau chóng rời xa, khiến chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Cảnh giới không sát sanh này không giống với phần đã nói ở phía trước, tuy cùng tên nhưng cảnh giới không đồng, tinh vi huyền diệu, độ cạn – sâu, rộng – hẹp có cự ly rất lớn. Cũng vì vậy mà mười thiện nghiệp từ sơ phát tâm đến quả vị Như Lai dù tên giống nhau nhưng nội dung lại khác; phương tiện khéo léo đương nhiên cũng khác. Bồ tát tu hành có thể giúp tất cả chúng sanh trong Cửu pháp giới sanh hoan hỷ tâm, không chỉ người mà cả Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, Tu la, chư Thiên, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều có thể sanh tâm hoan hỷ. Vậy tức là trong pháp vô vi được thành tựu viên mãn rồi.

Thường cầu trí huệ, dưỡng đức hạnh, dùng tâm thuần thiện thuần tịnh. Thuần thiện là nói đến Thập thiện nghiệp,

không phải là cách nghĩ thiện – ác tương đối mà là lìa khỏi sự tương đối ấy, tức như trong Kinh Đại Bát Nhã nói là “Tam luân thể không”. Đây là cảnh giới quả địa Như Lai gọi là “Làm mà như không làm, không làm mà như làm”. Từng giây, từng phút, từng ngày vẫn đang làm, nhưng trong tâm không có dấu tích gì. Đoạn ác tu thiện như vậy thì đạt đến cứu cánh viên mãn. Đây là **“Phương tiện trang nghiêm”** trên quả vị Như Lai, đắc được quả vị này thì có thể thừa nguyện tái lai, phổ độ chúng sanh, có thể làm thị hiện các loại, đáng dùng thân gì để độ thì hiện thân đó, đáng dùng phương pháp nào để độ thì dùng phương pháp đó, không gì không phải là phương tiện trang nghiêm.

“Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham” trong Kinh Hoa Nghiêm có thuận hạnh, có nghịch hạnh. Thuận hạnh chính là thiện hạnh, nghịch hạnh chính là ác hạnh. Có một số chúng sanh phải dùng phương pháp ác để độ họ thì họ mới giác ngộ. Nên nói đáng dùng phương pháp nào thì dùng phương pháp đó; không có một phương pháp cố định, tất cả đều là thiện pháp là phương tiện trang nghiêm chân thật. Ví dụ, Bà La Môn Thắng Nhiệt có ngu si, Cam Lộ Hỏa Vương có sân hận, tham-sân-si là nghịch pháp; Bồ tát dùng giới-định-huệ không độ được họ, nhưng dùng tham-sân-si lại có thể độ được thì dùng tham-sân-si. - Những thứ này đều thuộc về phương tiện khéo léo.

Cho nên, phương pháp thì vô lượng vô biên, tám vạn bốn ngàn pháp môn và vô lượng pháp môn đều là phương tiện trang nghiêm. Phương pháp cách thức tuy khác nhau nhưng mục tiêu, phương hướng thì giống nhau, đều giúp họ phá mê khai ngộ. Bởi vậy, độ hóa chúng sanh phải có trí huệ và bản lĩnh chân thật. Bản lĩnh chân thật người thế gian

gọi là “thần thông”, có năng lực quán cơ, thật hiểu rõ căn tánh chúng sanh, giống như bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân, biết nguyên nhân gây bệnh của chúng sanh ở chỗ nào, ra toa thuốc, dùng thuốc chính là pháp phương tiện. Chữa trị hợp lý, thuốc đến bệnh hết chính là thành tựu viên mãn.

Bình thường chúng ta tu dưỡng trí huệ đức hạnh. Trí huệ đức hạnh là tự tánh vốn có, không phải từ ngoài đến nhưng chúng ta mê mất tự tánh, bản thân có nghiệp chướng nên đức năng trí huệ không khởi tác dụng, vì thế phải tiêu trừ nghiệp chướng. Đầu tiên chúng ta phải biết phải hiểu về nghiệp chướng thân ta, đây là thật sự nhìn thấu. Tiếp sau là tiêu trừ nghiệp chướng của mình, đây chính là buông bỏ. Đoạn Kinh văn trước có nói “Chỉ, Quán”, tức là chúng ta phải quán sát rõ ràng, tự nhiên dừng ác hành thiện chưa cần người khác chỉ dạy mà đã biết rồi.

“Phương tiện” đối với đồng học trong việc học Kinh giáo mà nói chính là “quán cơ”, “tùy duyên”, có thể làm được thích hợp, hoàn hảo, làm được rất viên mãn khiến tất cả chúng sanh giác ngộ; sau khi giác ngộ rồi thì chúng sanh ắt sanh tâm hoan hỷ.

Chúng ta là phàm phu không có trí huệ cao siêu, phương tiện khéo léo viên mãn như Phật, nên trong quá trình tu học chúng ta luôn phải làm thử nghiệm, phương pháp này không được thì đổi phương pháp khác. Tuy nhiên có một nguyên tắc phải tuân thủ ấy là “chân thành”. Làm người phải thành thật, phải làm người nghĩa. Cổ nhân dạy: *“Tánh tình trung nhân” (nghĩa là tính tình phải là người trung thực)*. Làm người nhất định phải tôn trọng đạo nghĩa, tùy thuận đạo nghĩa rồi mới có thể từ từ hướng tới đức hạnh

thánh hiền, nâng cao cảnh giới của bản thân, viên mãn quả báo bản thân. Đây là “phương tiện trang nghiêm”. Vì vậy “phương tiện” tức là đối với mình hay với người đều phải nói phương tiện trang nghiêm.

Kinh văn 56: “Long vương đương tri, thử thập thiện nghiệp, nãi chí năng linh, thập lực, tứ vô úy, thập bát bất cộng nhất thiết Phật pháp, giai đắc viên mãn”.

(Nghĩa là: Nay Long vương, ông nên biết mười thiện nghiệp này hoàn toàn có đủ năng lực làm cho mười Trí lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng và tất cả pháp Phật đều được viên mãn.)

“**Long vương**” là người Phật dạy trong Kinh này. Thường gọi tên của họ thì chắc chắn sau đó sẽ là phần khai thị rất quan trọng.

“**Mười thiện nghiệp**” thậm chí có thể làm quả vị Như Lai có mười trí lực, bốn vô úy và mười tám pháp bất cộng đều viên mãn.

Ba điều Thập lực, Tứ vô úy và Thập bát bất cộng là những điều đặc biệt chỉ có ở quả vị Như Lai. Đây là đức năng cứu cánh viên mãn thù thắng. Vì thế mười điều thiện là căn bản của tu trì Phật pháp, lơ là mười thiện thì không thể nói Phật pháp.

Nếu có người hỏi chúng ta rằng:

- Phật pháp là gì?

Ta có thể trả lời thế này:

- Chăm chỉ tu trì mười thiện chính là Phật pháp. -

Như thế mới thật sự là đệ tử Phật. Dù người xuất gia giảng Kinh thuyết pháp, hoặc là người tham thiền, niệm Phật, nhưng nếu họ không tu hành mười thiện thì đều không phải đệ tử Phật. Phần nhiều Phật giáo đồ chỉ gọi là “danh tự vị”, tức là hữu danh vô thực mà thôi, nên bất kể tu hành như thế nào cũng không liên hệ được chút gì với xuất thế pháp, niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Như vậy chúng ta có thể rút ra được tổng kết là quả vị Như Lai đức tướng trí huệ viên mãn cứu cánh đều từ mười thiện mà sanh ra.

(Thứ nhất là) **“Thập lực”**:

(“Thập lực” là chỉ cho mười năng lực hiểu biết siêu nhiên, mười trí đặc biệt của một vị Phật)

Trong Đại Trí Độ Luận có nói “Phật quả Thập lực”. Đây là mười loại năng lực thù thắng mà Bồ tát tuy có nhưng không viên mãn. Quả vị Như Lai mới cứu cánh viên mãn.

Thập lực bao gồm:

Một là “Tri thị xứ phi xứ trí lực, tri nhất thiết chúng sanh nhân duyên quả báo”

(Chú giải: “Tri thị xứ phi xứ trí lực”: “Xứ” có nghĩa là đạo lý, “tri” là “biết” “thị” là đúng, “phi” là sai. Hợp lại “Tri thị xứ phi xứ trí lực”, là Như Lai biết rõ đúng như thực các sự lý đúng, hoặc sai.

Ví dụ:

- *Làm việc thiện thì được quả lành,*
- *Làm điều ác thì chịu quả báo khổ. Đó là điều **hợp lý**, gọi là “**có xứ**” hay “**thị xứ**”*

Ngược lại:

- *Nếu người làm việc thiện lại gặp ác báo,*
- *Kẻ làm ác lại được an vui. Đó là điều **trái lý**, gọi là “**phi xứ**” – tức không thể có chuyện như thế*

“tri nhất thiết chúng sanh nhân duyên quả báo”: Là Như Lai biết rõ đúng như thực tất cả các nhân duyên quả báo của các chúng sanh như thế nào).

Chữ “Lục” này nghĩa là khởi tác dụng. Phật dễ dàng độ chúng sanh, vì tất cả chúng sanh từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ hay từ vô lượng kiếp đến nay, nghiệp nhân tạo tác ra sao, nhận lãnh quả báo thế nào, Phật đều biết. Chúng sanh từ vô lượng kiếp đã tạo tác nghiệp tập chủng tử, toàn bộ đều lưu lại trong A Lại Da Thức. Phật có thể thấy được chủng tử tập khí của tất cả chúng sanh lưu giữ trong A Lại Da Thức. Vì thế chúng ta khởi tâm động niệm tạo tác sao có thể giấu được Phật, Bồ tát?

Cổ đức nói “*Muốn người không biết, trừ phi mình đừng làm*”. Chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói tạo tác ngay cả trời đất quỷ thần cũng đều biết rõ ràng.

Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có chuyện Ông Liễu Phàm, sau khi tiếp nhận lời giáo huấn của Đại sư Vân Cốc liền nỗ lực đoạn ác tu thiện, nhưng vì là phàm phu nên phiền não tập khí của Ông rất nặng. Lần thứ nhất, Ông phát

nguyện làm ba ngàn việc thiện, Ông làm hơn mười năm mới viên mãn. Có vậy mới thấy Ông tốn hao biết bao thời gian, tinh thần trong đấu tranh giữa thiện và ác. Lần thứ hai, Ông phát nguyện tu ba ngàn việc thiện, hai năm thì thành công. Lần thứ ba, ông phát nguyện làm mười ngàn việc thiện, nhất niệm liền thành công. Tâm địa của Ông dần dần đạt đến thuần thiện, không gì dối lòng mới có thể cảm động thiên thần.

Sở dĩ con người không thể thành tựu là vì “nhân tuần” (nghĩa là: Cứ lơ là, mơ hồ không chăm chỉ, chính mình thường tha thứ với chính mình).

Từ Liễu Phàm Tứ Huân chúng ta quán sát được, Ông Liễu Phàm muốn khắc phục cửa ải khó này ít nhất phải dùng 20 năm công phu. ải thứ nhất qua rồi, về sau tiến triển rất nhanh. Chúng ta nếu không thể phát tâm dũng mãnh, cái ải này rất khó đột phá.

Điều thứ nhất này trong Như Lai Thập lực là bàn về nhân quả, “*Làm thiện được quả báo thiện, làm ác nhận quả báo ác*”. Đây là “thị xứ”. Vậy còn “phi xứ” là gì? Trồng nhân thiện nhưng nhận ác báo, tạo nhân ác lại được thiện báo, thì gọi là Phi xứ, vì làm gì có đạo lý này. Trồng nhân thiện nhất định được quả thiện, tạo ác nghiệp nhất định nhận ác báo. Đây gọi là “thị xứ phi xứ trí lực” (*là các sự lý đúng, hoặc sai*) đây là trí huệ chân thật. Cho nên nhân quả là thật tướng của các pháp.

Hai là: “*Nghiệp trí lực, tri nhất thiết chúng sanh tam thế sở hữu chư nghiệp*”

(Nghĩa là: Như Lai biết rõ đúng như thực tất cả nghiệp duyên trong 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai của tất cả chúng sinh.

Phật biết rõ ràng từng chúng sinh, vào lúc nào, nơi nào tạo nghiệp, rồi sinh ở đâu, vào lúc nào, nơi nào thọ báo – không mảy may sai sót).

“Nghiệp” là tạo tác; nghiệp không ngoài ba loại: Thiện nghiệp, Ác nghiệp và Vô ký nghiệp. Vô ký nghiệp ý nói những tạo tác không thiện cũng không ác, chưa có quả báo; tuy chưa có quả báo nhưng đều rơi vào Vô minh.

Ba là: “Định trí lực, tri nhất thiết chư thiên tam muội”

(Nghĩa là: Như Lai được tự tại vô ngại đối với tất cả các thiên định, tam muội và biết rõ đúng như thực thứ tự cạn, sâu của các thiên định, các tam muội giải thoát.

Thiên định và tam muội khác nhau như thế nào?

Phật biết rõ từng tầng bậc thiên định, từ sơ thiên cho đến tứ thiên, bát định, rõ sâu cạn, rộng hẹp, và cũng biết chúng thuộc về hữu lậu pháp – tức là còn nằm trong sinh tử luân hồi.

Phật biết rõ tất cả Tam Muội, tam muội tiếng Phạn ý nghĩa là “Chánh thọ”, hay cũng là «chánh định» nghĩa là “Hưởng thụ bình thường”. Hưởng thụ bình thường là vô niệm.

Với người niệm Phật “Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm”, đó là hưởng thụ bình thường, là tam muội. “Công phu thành khối” là hạ phẩm trong Niệm Phật Tam Muội. “Sự nhất tâm bất loạn” là trung phẩm trong Niệm Phật Tam Muội. “Lý nhất tâm bất loạn” là thượng phẩm Niệm Phật Tam Muội.

Chỉ cần bạn niệm đến hạ phẩm tam muội, tức công phu thành khối, tương lai vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc quyết định nắm được phần chắc, hay nói cách khác, ngay đời này bạn nắm chắc sẽ làm Phật).

Từ Trời sắc giới trở lên quả báo là Thiên định, mãi đến quả vị Như Lai đều là định – huệ, định – huệ thành tựu. Trong định có cảnh giới, rất nhiều cảnh giới công phu thiên định khác nhau, từ thế gian đến xuất thế gian, ngày nay gọi là khác biệt tần số không gian, Phật hoàn toàn biết rõ tất cả nên Đức Phật có năng lực độ chúng sanh trong chín pháp giới. Từ Sơ thiên trở lên, nếu không hiểu rõ về cảnh giới công phu thiên định tam muội thì không thể độ người khác.

Bốn là: “Căn trí lực, tri chư chúng sanh chư căn thượng hạ”

(Nghĩa là: Như Lai biết rõ đúng như thực căn cơ của từng chúng sanh, chúng sanh nào lợi căn, chúng sanh nào độn căn. Tùy vào căn tánh của chúng sanh mà độ hóa họ).

“Căn” tức là căn tánh, người đời gọi là “thiên phú”. Đưa trẻ sanh ra bẩm chất thiên phú là thông minh hay ngu đần, thể hiện rõ ràng nhất qua việc đọc sách. Thiên phú cao, thầy dạy qua bài đọc một lần chúng liền thuộc và còn có khả năng lý giải một cách tương đối. Chúng ta gọi đó là

“thượng căn lợi trí”. Trẻ có bẩm sinh thiên phú kém, phải đọc năm lần mười lượt mới có thể thuộc, đây là người thuộc về trung hạ căn.

Năm là: “Dục trí lực, tri tha chúng sanh chủng chủng dục lạc”.

(Nghĩa là: Như Lai biết rõ đúng như thực trùng trùng tất cả các dục lạc (tức ham muốn), mọi sở thích, khuynh hướng, ưa thích thiện ác khác nhau của tất cả chúng sinh).

Ví dụ:

- *Tôn giả A Nan thì ưa thích nghe nhiều, học rộng, là bậc đa văn đệ nhất.*
- *Tôn giả Ma-ha Ca Diếp thì ưa hạnh đầu-đà, sống đơn giản, khổ hạnh, ẩn cư trong rừng núi.*
- *Đề-bà-đạt-đa lại ưa danh tiếng, lợi dưỡng, ham địa vị và quyền lực.*
- *Tôn giả Xá Lợi Phất thì ưa quán chiếu trí tuệ, là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng Thanh Văn).*

“Dục” là dục vọng, “lạc” là hoan hỷ. Đây là tập khí liên quan đến đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Kiếp trước tích nhiều thiện nghiệp, đời đời kiếp kiếp thời gian ở trong Tam thiện đạo nhiều, thiện căn thâm hậu, ưa thích thiện pháp.

Còn nếu người này trong đời quá khứ tạo ác nghiệp nhiều, tập khí ác nặng thì trong đời này họ thể hiện ra chẳng chút hứng thú với thiện pháp; ngược lại đối với sát, đạo, dâm, vọng lại rất vui thích.

Do đó ái dục của tất cả chúng sanh đều có nguyên do, không phải vô duyên cớ. Năng lực quán sát chúng sanh của chúng ta không được trí huệ cao như vậy, nên chỉ có thể thấy được biểu hiện bên ngoài, không biết trình trạng trong quá khứ. Năng lực của A La Hán biết được 500 kiếp của chúng sanh, họ quán cơ mạnh hơn nhiều so với chúng ta. Bồ tát có thể biết 500 kiếp trở lên của chúng sanh. Còn Phật có thể hiểu biết cứu cánh.

Nếu như không có năng lực trí huệ “tri tha chúng sanh chủng chủng dục lạc” (*là biết rõ từng từng tất cả dục, lạc của chúng sanh*) thì việc quán sát căn cơ của tất cả chúng sanh quả thực rất khó khăn, nên phương pháp dạy học tuy nhiều, chúng ta toàn tâm toàn lực và tinh thần không ít nhưng hiệu quả đạt được chẳng là bao, nguyên nhân là vì không khéo cơ. Nếu hoàn toàn khéo cơ thì thính chúng dưới tòa liền khai ngộ chứng quả.

Chúng ta cũng thấy trong Kinh nói, Thế Tôn chưa giảng xong bộ Kinh thì có một người đã khai ngộ chứng quả. Trong Kinh Lăng Nghiêm Tôn giả A Nan nghe Thế Tôn giảng đến cuối quyển thứ ba thì đã khai ngộ. Ma Đăng Già Nữ trong Hội Lăng Nghiêm nghe Phật giảng chưa đến nửa bộ Kinh thì cô ta đã chứng Tam quả. Đây là khéo cơ.

("tam quả" là quả vị thứ 3 gọi là "A-na-hàm", trong bốn thánh quả, đó là Tu đà hoàn, Tư đà Hàm, A Na Hàm và A la hán)

Như Lai có năng lực quán cơ cho nên chúng sanh dễ thành tựu.

Sáu là: “Giới trí lực, tri thể gian chủng chủng giới phân”.-

(Nghĩa là: Như Lai biết rõ đúng như thực, trùng trùng tất cả các cảnh giới khác nhau của chúng sanh như thế nào. Biết rõ các thế giới với những yếu tố tạo thành của chúng)

Cũng có nghĩa là biết được trùng trùng các loại vọng tưởng, phân biệt của tất cả chúng sanh. Từ “giới” ý chỉ giới hạn. “giới” là từ phân biệt mà có; không có phân biệt, không có chấp trước thì làm gì có giới hạn?

Lục đạo có giới hạn của lục đạo. Chúng ta cùng sống trên trái đất, vốn dĩ không có giới hạn, nhưng ngày nay có giới hạn quốc gia, giới hạn chủng tộc, giới hạn tôn giáo tín ngưỡng, giới hạn quá nhiều, đều là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh.

Nếu chúng ta không hiểu chân tướng của giới hạn thì đối với thế xuất thế gian sẽ sanh rất nhiều chướng ngại. Ta hiểu được rồi, lại giúp chúng sanh phá trừ chướng ngại thì ấy chính là phương tiện.

“Giới” vốn dĩ không hề tồn tại, và hiện tại vẫn không có. “Giới” là một khái niệm trừu tượng và là một khái niệm sai lầm. Đột Phá được khái niệm này thì mới giống như Phật “tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới” cùng tất cả chúng sanh đều không có giới hạn.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
Vâng làm các việc lành,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!